TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28.6.2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Thủy.**

*Các Hội thẩm nhân dân:***Ông Nguyễn Công Chi** và **ông Ngô Văn sỹ**

- *Thư ký phiên toà*: Bà**Phạm Thái Trâm Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐ-HNGĐ ngày 11.6.2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1991. (có mặt)

Trú tại: thôn L, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Tuyết T - Sinh năm 1993 (vắng mặt lần 2 không lý do).

Trú tại: tổ 57, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụánvà tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:Tôi và cô Nguyễn Thị Tuyết T kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại số tổ 57, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẩn nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai người nấy sống và từ đó tôi đã dọn về nhà bố mẹ tôi sống từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay, hiện nay tôi không còn tình cảm với cô T nên tôiđề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị Tuyết T.

***- Về quan hệ con chung;* tài sản chung; nợ chung**: ông T khai nhận không có.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Tuyết T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 11.6.2018 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn là bà T, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tuyết T.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Tuyết T thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Tuyết T kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chung sống tại tổ 57, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai người nấy sống và từ đó ông T đã dọn về nhà bố mẹ sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay, hiện nay ông T không còn tình cảm với cô T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với cô Nguyễn Thị Tuyết T.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Theo đơn xác nhận tại UBND phường H, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T đã đến mức trầm

trọng, đời sốngchung không thể kéo dài và mụcđích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông T yêu cầu Toàán giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung; tài sản chung; nợ chung: ông T khai nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng không có ý kiến gì đối với tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này ông T và bà T có tranh chấp về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí:Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: ông T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:Các Điều 51, 53, 54,56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Tuyên xử: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991, được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1993.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 20.01.2015 của UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

***2.Về quan hệ con chung;* tài sản chung; nợ chung**: ông Nuyễn Thanh T khai nhận không có.

3. **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng ông T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số0002817ngày09.4.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND xã H,h. H, TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy